

Danh mục hàng hóa

Stt	Chủng loại	Vật liệu	Đơn vị tính	Số lượng (cây/6m)	Trọng lượng (kg/cây)	Tổng khối lượng (Kg)
1	U200x80x7.5x11	SS400	Kg	35	147.60	5,166.00
2	U150 x 75 x 6.5 x 10	SS400	Kg	80	111.60	8,928.00
3	U100x50x5x7	SS400	Kg	40	53.00	2,120.00
4	H100x100x6x8	SS400	Kg	40	103.20	4,128.00
5	H200x200x8x12	SS400	Kg	30	299.40	8,982.00
6	V100x100x10	SS400	Kg	80	89.40	7,152.00
7	V75X75X6	SS400	Kg	30	41.10	1,233.00
8	V75x75x9	SS400	Kg	18	60.56	1,090.08
	Tổng					38,799.08

Ghi chú:

1. Nguồn gốc, xuất xứ: Không giới hạn;
2. Đơn giá chào đã bao gồm chi phí vận chuyển tới Địa điểm giao hàng của Bên mua tại Cụm CN Phú Thạnh, Nhơn Trạch, Đồng Nai;
3. Thời gian giao hàng: trong vòng 02 - 03 ngày kể từ ngày đặt hàng.